

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 09/2025/HS - ST

Ngày 18/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Bùi Bích Phương, bà Lý Thu Hương, ông Nguyễn Duy Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2024/TLST-HS, ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, tại tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; có vợ Nguyễn Thị T1.

Tiền án:

- Tại bản án số 09 ngày 08/3/1994 của TAND tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo T 05 (năm) năm tù giam về tội “Cướp tài sản của công dân”. Tổng hợp với bản án số 25 ngày 07/9/1993 của TAND huyện Phổ Yên (nay là thành phố P), buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù giam. Chưa thi hành xong các khoản thi hành án dân sự.

- Tại bản án số 1318 ngày 10/7/2000, Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - TAND tối cao xử phạt bị cáo T 13 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Chưa thi hành xong các khoản thi hành án dân sự.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 25 ngày 07/9/1993 của TAND huyện Phổ Yên (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù giam về tội “Cướp tài sản của công dân”.

- Tại bản án số 290 ngày 23/4/2013, TAND thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Năm 2019, Công an huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/03/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo (do đoàn luật sư tỉnh T cử):* Luật sư Nguyễn Ngọc T2 - Văn phòng L, đoàn luật sư tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người làm chứng:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt tại phiên tòa).

* *Người chứng kiến:*

1. Ông An Văn H1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Trần Đăng K, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 22 giờ 30 phút ngày 22/3/2024, Công an phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên đang tiến hành tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên phát hiện tại cửa Nhà nghỉ H4 có đối tượng vừa xuống xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu đỏ, biển kiểm soát: 51H - 473.06 đi vào nhà nghỉ có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Qua kiểm tra người nam giới khai tên là Nguyễn Văn T (sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên). T khai nhận đang cất giấu ma túy để bán và tự nguyện giao nộp:

- Tại túi áo khoác bên phải Thái đang mặc có một hộp giấy cứng màu đen, bên trong hộp giấy có 02 túi nilon màu trắng, trong túi thứ nhất có 02 túi nilon nhỏ đều chứa chất rắn dạng cục màu trắng đục; trong túi thứ hai có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Toàn bộ niêm phong lại ký hiệu là “A”.

- Tại túi quần bên trái T đang mặc có một vỏ bao thuốc lá loại 555, bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa 196 viên nén màu đỏ và 02 viên nén màu xanh. Toàn bộ niêm phong lại ký hiệu là “B”.

- Tại túi quần bên phải của T đang mặc có 01 gói giấy màu trắng, bên trong có gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Toàn bộ niêm phong lại ký hiệu là “C”.

Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ: 01 điện thoại Iphone Xs Max, màu trắng, cũ, đã qua sử dụng, niêm phong trong phong bì ký hiệu “D”; 01 xe ô tô Kia Morning, màu đỏ, BKS: 51H - 473.06.

Kiểm tra trên xe ô tô Kia Morning, không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời đưa T cùng vật chứng về cơ quan điều tra để tiếp tục xác minh làm rõ.

Ngày 23/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại tổ dân phố L, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên: Không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

*** Tiến hành mở niêm phong:**

- Mở niêm phong A: 01 (một) hộp giấy cứng màu đen, bên trong có 02 túi nilon màu trắng; trong túi nilon thứ nhất có 02 túi nilon nhỏ, bên trong mỗi túi đều có chứa chất rắn dạng cục màu trắng đục; trong túi nilon thứ hai có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng cục màu trắng đục trong túi nilon thứ nhất được 37,546 gam, lấy tất cả số chất rắn dạng cục màu trắng đục nêu trên niêm phong lại vào phong bì ký hiệu “M” gửi giám định; Cân khối lượng toàn bộ số chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong túi nilon thứ hai được 97,221 gam, lấy tất cả số chất rắn dạng tinh thể màu trắng nêu trên niêm phong lại vào phong bì ký hiệu “M1” gửi giám định;

- Mở niêm phong B: 01 (một) vỏ bao thuốc lá loại 555, bên trong có 01 túi nilon màu xanh, chứa 196 viên nén màu đỏ và 02 viên nén màu xanh. Cân toàn bộ số viên nén màu đỏ có khối lượng 18,765 gam, lấy tất cả gửi giám định ký hiệu “M2” gửi giám định; Cân toàn bộ số viên nén màu xanh có khối lượng 0,192 gam, lấy tất cả gửi giám định ký hiệu “M3”;

- Mở niêm phong C: 01 (một) gói giấy màu trắng, bên trong có gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Cân số chất rắn dạng tinh thể màu trắng có khối lượng 3,071 gam, lấy tất cả gửi giám định ký hiệu “M4”.

* Tại bản Kết luận giám định số 474/KL - KTHS ngày 31/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

- Chất rắn dạng cục màu trắng đục niêm phong trong phong bì ký hiệu “M” gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng là 37,546 gam.

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu “M1” gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 97,221 gam.

- Các viên nén màu đỏ trong bì niêm phong ký hiệu “M2” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 18,765 gam; Các viên nén màu xanh trong bì niêm phong ký hiệu “M3” là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,192 gam.

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu “M4” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 3,071 gam.

* Mở niêm phong **D**: Kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max lắp sim số 0862.221.975 của Nguyễn Văn T. Kết quả: Tại điện thoại di động của T thể hiện số điện thoại 0822.639.070 (Thái lưu là Bạn Tôi.) và số điện thoại 0702.840.130 (Thái lưu là Bạn Tôi 2), theo T xác định là số điện thoại của người bán ma túy cho T vào ngày 21/3/2024. Số điện thoại 0865.233.345 Thái khai là số của người phụ nữ tên H3 đặt mua ma túy của T (Thái lưu là "Thanh Xuyên") và nội dung trao đổi mua bán ma túy giữa T và H3.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Ngày 21/3/2024, Nguyễn Văn T một mình đến khu vực bệnh viện T6, thành phố Hà Nội tìm mua ma túy về bán kiếm lời. Tại đây T gặp một người nam giới không quen biết và mua của người này một cây ma túy H2, một túi ma túy tổng hợp hồng phiến và một lạng ma túy tổng hợp dạng đá với tổng số tiền giá 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, T cất giấu trên người rồi đi về nơi làm việc tại khu chung cư Môi trường xanh, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Do đã quen biết với một người phụ nữ tên H3 nhà ở T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên nên T đã liên lạc để bán ma túy cho H3 giá thỏa thuận là: 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng)/một “cây” Heroine; 6.700.000đ (sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng)/ một túi ma túy hồng phiến (khoảng hai trăm viên); có giá tiền là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng)/một lạng ma túy tổng hợp dạng đá và hẹn ngày 22/3/2024 hai bên sẽ gặp nhau để trực tiếp mua bán ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 22/3/2024, T mượn xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning BKS 51H - 47306 của vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980, Hộ khẩu thường trú: Đội 3, Tả Thanh O, T, Hà Nội và đem theo toàn bộ số ma túy đến chỗ hẹn gặp H3 (T không nói cho T1 biết việc mình đi bán ma túy).

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi T vừa xuống xe và mang theo toàn bộ số ma túy đi vào nhà nghỉ H4 thuộc tổ dân phố T, phường T, thành phố P thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản khám xét, kết luận giám định chất ma túy, biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của người chứng kiến, người làm chứng...

Trong quá trình điều tra, ngoài vật chứng của vụ án là 37,546 gam ma túy loại Heroine và 119,249 gam ma túy loại Methamphetamine, cơ quan điều tra

còn tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max vỏ màu trắng, có số thuê bao 0862.221.975; 01 (một) xe ô tô Kia Morning, màu đỏ, BKS: 51H - 473.06.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning, màu đỏ, BKS: 51H - 473.06 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984, Hộ khẩu thường trú: Số A liền kề 6, khu đô thị M, K, H, Hà Nội cho chị Nguyễn Thị T1 thuê xe. Nên Cơ quan CSĐT đã trả chiếc xe ô tô trên cho bà Nguyễn Thị T3 để quản lý sử dụng.

Vật chứng vụ án: Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Văn T có tài sản là 01 (một) thửa đất ở tại đô thị số 2628 tờ bản đồ số 3, địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, diện tích: 83,0m².

Tại Bản cáo trạng số 127/CT-VKS, ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 2 (Hai mươi) năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy và túi nilon đã thu giữ. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng của bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo

và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Bị cáo có mẹ để được tặng huân chương kháng chiến và chú ruột là liệt sĩ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư và không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi đối đáp với ý kiến của Luật sư, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do hám lời, khoảng 15 giờ ngày 21/3/2024, Nguyễn Văn T một mình đi đến khu vực bệnh viện T6, thành phố Hà Nội mua của một người nam giới không quen biết **37,546** gam ma túy loại Heroine và **119,249** gam ma túy loại Methamphetamine với giá 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng). Đến khoảng 19 giờ ngày 22/3/2024, T mang số ma túy này đến nhà nghỉ H4 thuộc tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để bán nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Tổng khối lượng hai loại ma túy T phải chịu trách nhiệm hình sự là **156,785** gam.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 251 Tội mua bán trái phép chất ma túy.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...

3...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a)...

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử bằng các bản án khác nhau. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị A được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có chú ruột là ông Nguyễn Ngọc B được tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba và được phong tặng liệt sĩ hiện gia đình bị cáo đang trực tiếp thờ cúng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cứ chấp nhận. Đề nghị của Luật sư là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Vật chứng vụ án:

- Số ma túy và túi nilon thu giữ của bị cáo được niêm phong ký hiệu M, M1, M2, M3, M4, PS1 042529 cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động quá trình điều tra xác định bị cáo dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, do đó cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án này T khai đã mua ma túy của một người nam giới tại khu vực Bệnh viện T6, Hà Nội. Do T không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ về người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với Nguyễn Thị T1 (là vợ của T) và Nguyễn Thị T3 (cho T1 thuê xe) qua quá trình điều tra xác định không biết việc T sử dụng xe ô tô để đi bán ma túy nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xử lý đối với T1 và T3 nên đã trả lại xe ô tô là phù hợp.

Đối với người phụ nữ tên H3 mà T khai là người đặt mua ma túy của T, Cơ quan điều tra đã xác minh tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên có người nữ giới họ tên là Hoàng Thị Mai H3, sinh năm 1976, hiện H3 không có mặt tại địa phương. Số điện thoại của H3 được lưu trong danh bạ của T là "T". Qua xác minh tra cứu đứng tên Đỗ Đăng T4, sinh năm 1993, trú tại Thôn B, xã C, huyện T, Hà Nội và người này hiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo 10 (mười) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **M**, trên mép dán có chữ ký của Trần Đức T5, Nguyễn Văn M và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả M 37,520 gam.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **M1**, trên mép dán có chữ ký của Trần Đức T5, Nguyễn Văn M và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả M1 = 96,827 gam.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **M2**, trên mép dán có chữ ký của Trần Đức T5, Nguyễn Văn M và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Hoàn trả M2 = 18,680 gam.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **M3**, trên mép dán có chữ ký của Trần Đức T5, Nguyễn Văn M và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,098 gam (M3).

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **M4**, trên mép dán có chữ ký của Trần Đức T5, Nguyễn Văn M và hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T bên ngoài ghi: Hoàn trả M4 2,971 gam.

- 01 (một) túi niêm phong theo quy định ký hiệu **PS1 042529**, có chữ ký niêm phong của Nguyễn Văn T và các thành phần tham gia, bên trong có vỏ bao giấy gói ban đầu.

* Tạm giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định ký hiệu **D**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Văn T cùng các thành phần tham gia có hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Văn T.

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên số 33 ngày 26/11/2024;

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

Nguyễn Văn Quế

